

(23)

BAN CHỈ HUY PCLB TỈNH TN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 3 năm 2015



BÁO CÁO

Kết quả 05 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009 - 2014



Thực hiện Công văn số 186/TCTL-GNTT ngày 09/2/2015 của Tổng cục Thủy lợi về việc báo cáo kết quả 05 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009- 2014. Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão tỉnh Thái Nguyên báo cáo kết quả thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2009 - 2014, như sau:

1. Kế hoạch thực hiện đã được phê duyệt.

- Năm 2010: Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 27/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
- Năm 2013: Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 10/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

2. Kết quả 05 năm thực hiện.

- Có biểu mẫu báo cáo chi tiết kèm theo.

3. Đánh giá quá trình, kết quả thực hiện.

Thực hiện Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 27/9/2010 và Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 10/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. Mục tiêu của Kế hoạch là nâng cao năng lực cho cán bộ chính quyền các cấp trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai; Các phương, xã, thị trấn ở những khu vực thường xuyên và có nguy cơ cao xảy ra thiên tai xây dựng kế hoạch phòng, tránh thiên tai, có hệ thống thông tin liên lạc và xây dựng lực lượng nòng cốt có chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, lực lượng tình nguyện viên để hướng dẫn và hỗ trợ nhân dân trong công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai; Đưa kiến thức phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai lồng ghép vào chương trình đào tạo của trường học phổ thông.

Tỉnh đã được Trung ương hỗ trợ đào tạo cho 17 giảng viên cấp tỉnh và hỗ trợ tài liệu để hướng dẫn tổ chức nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng. Do không có kinh phí để triển khai nên đến nay nhiều nội

dung theo Kế hoạch đã được UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành chưa thực hiện được.

Tuy nhiên, công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng luôn được Tỉnh quan tâm lồng ghép trong việc triển khai công tác phòng chống lụt bão hàng năm. Cụ thể:

- Kiện toàn Ban chỉ huy phòng, chống lụt, bão các cấp, các ngành. Phân công nhiệm vụ cụ thể tới từng thành viên.

- Tổ chức diễn tập phòng chống, lụt bão, tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh tại huyện Đồng Hỷ, huyện Phú Bình và thành phố Thái Nguyên. Qua diễn tập đã nâng cao khả năng cho cấp ủy chính quyền địa phương các cấp trong công tác huy động lực lượng, phương tiện, điều hành xử lý các tình huống thiên tai ... đồng thời nâng cao nhận thức của người dân về công tác phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn.

- Tổ chức tuyên truyền công tác phòng chống lụt bão đến người dân và các cấp chính quyền địa phương. Thực hiện các phóng sự, chương trình đối thoại về công tác phòng chống lụt bão; tổ chức phát thanh tuyên truyền pháp luật về đề điều, pháp lệnh quản lý khai thác công trình thủy lợi trên các xã, phường có đê, hồ đập.

- Đài Phát thanh và Truyền hình, các cơ quan báo chí, Trung tâm khí tượng thủy văn tỉnh thường xuyên thông tin, phản ánh kịp thời tình hình diễn biến thời tiết, thiên tai, công tác tìm kiếm cứu nạn trong các sự cố do mưa, lũ, bão gây ra.

- Công an tỉnh đã tổ chức huấn luyện nghiệp vụ cho lực lượng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên nghiệp đạt 600 giờ/người; huấn luyện kỹ năng lái xuống máy và cứu hộ, cứu nạn dưới nước cho 70 cán bộ chiến sỹ; huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho 8.172 dân phòng và bảo vệ cơ quan; phối hợp với thị xã Sông Công diễn tập phương án chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn tình huống sập nhà cao tầng tại thị xã. Sẵn sàng lực lượng gồm 650 cán bộ chiến sỹ.

- Hàng năm, Hội chữ thập đỏ tỉnh tổ chức 6 lớp tập huấn về kỹ năng sơ cấp cứu cho 300 tình nguyện viên, 16 lớp tập huấn về công tác phòng ngừa ứng phó thảm họa của Hội cho hơn 1000 lượt cán bộ, hội viên, tình nguyện viên, tổ chức hội thi sơ cấp cứu, cứu hộ, cứu nạn cấp tỉnh cho 4 huyện, thành có trên 200 người là cán bộ, hội viên, tình nguyện viên và quần chúng nhân dân tham gia.

- Hàng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức tập huấn kỹ thuật hộ đê cho lực lượng quản lý đê chuyên trách, lực lượng cán bộ kỹ thuật tham gia công tác hộ đê hồ đập.

4. Khó khăn, vướng mắc.

- Không có kinh phí để triển khai thực hiện theo Kế hoạch đã được duyệt.

5. Đề xuất

- Đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh

Thái Nguyên xem xét, hỗ trợ kinh phí để triển khai thực hiện Đề án.

Trên đây là Báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009- 2014. trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão tỉnh Thái Nguyên rất mong được Tổng cục Thủy lợi, Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên quan tâm, tạo điều kiện giúp đỡ./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thủy lợi (b/c);
- Trung tâm PT & GNTT (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN & PTNT (b/c);
- Lưu: VT, CCTL

th

CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Thành Nam

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CẤP TỈNH
PHỤ LỤC 6

Tỉnh: Thái Nguyên
Cán bộ thực hiện: Bùi Việt Thắng
Ngày gửi báo cáo:

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 1B Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp tỉnh ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp tỉnh ban hành để thực hiện Đề án	02 QĐ			số 2193/QĐ-UBND ngày 27/9/2010 và số 1086/QĐ-UBND ngày 10/6/2013 của UBND tỉnh Thái Nguyên
Chỉ số 1C Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp huyện ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp huyện ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng (liệt kê các quyết định, văn bản)	Huyện A: Huyện B:		
Chỉ số 2A Số lượng tỉnh đã ban hành kế hoạch thực hiện Đề án	Tỉnh đã ban hành kế hoạch thực hiện Đề án	Đã có			
Chỉ số 2B Số lượng tỉnh đã có báo cáo kết quả thực hiện Đề án	Tỉnh đã có báo cáo kết quả thực hiện Đề án	Đã có			
Chỉ số 3 Tỷ lệ các tỉnh, huyện, xã có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Tỉnh có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án Tỷ lệ huyện có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án Tỷ lệ xã của tỉnh có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Đã có Tỷ lệ % Tỷ lệ %	0 0		

th

Chỉ số 4	Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở các cấp	Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp tỉnh (4A)	5	Huyện A:			
			0	Huyện B:			
			0	Huyện A	Xã A:		
			0		Xã B:		
Chỉ số 5A= 5A1/5A2*100%	Tỷ lệ cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp xã (4C)	04	Huyện B	Xã A:		
			40		Xã B:		
			Tỷ lệ %	Nam: 03			
			Tỷ lệ %	Nữ: 01			
Chỉ số 5B	Tỷ lệ cán bộ cấp huyện trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Số lượng cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai tại (5A2)		Nam: 26			
				Nữ: 14			
Chỉ số 5C	Tỷ lệ cán bộ cấp xã trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ cán bộ cấp xã trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD		Huyện A:	Xã A:		
				Huyện B:	Xã B:		
					Xã A:		
					Xã B:		
Chỉ số 6A= 6A1/6A2*100%	Tỷ lệ tập huấn viên cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Số lượng tập huấn viên cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD (6A1)	17	Nam: 11			Cố
			19	Nữ: 6			
				Nam: 13			
				Nữ: 6			

thư

Chỉ số 6B	Tỷ lệ tập huấn viên cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ tập huấn viên cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	Huyện A: Huyện B:
Chỉ số 6C	Tỷ lệ tập huấn viên cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ tập huấn viên cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	Huyện A: Xã A: Xã B: Huyện B: Xã A: Xã B:
Chỉ số 6D= 6D1/6D2*100%	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Số lượng thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD (6D1) Tổng số thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh (6D2)	Số lượng Số lượng	Huyện A: Huyện B: Xã A: Xã B:
Chỉ số 6E	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	Huyện A: Huyện B: Xã A: Xã B:
Chỉ số 6F	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	Huyện A: Huyện B: Xã A: Xã B:
Chỉ số 6G	Tỷ lệ thành viên nhóm cộng đồng của xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ thành viên nhóm cộng đồng của xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	Huyện A: Huyện B: Xã A: Xã B:
Chỉ số 7A= 7A1/7A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai	Số lượng xã của tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho cộng đồng hàng năm	Số lượng	Huyện A: Huyện B: Xã A: Xã B:

th

			(7A1)						
	cho cộng đồng hàng năm		Tổng số xã năm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (7A2)	Số lượng					
Chỉ số 8A	Tỷ lệ số người dân của xã được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai hàng năm		Tỷ lệ số người dân của xã được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai hàng năm	Tỷ lệ %		Huyện A	Xã A:		
							Xã B:		
Chỉ số 9A= 9A1/9A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã triển khai diễn tập hàng năm		Số lượng xã của tỉnh đã triển khai diễn tập hàng năm (9A1)	Số lượng		Huyện B	Xã A:		
			Tổng số xã năm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (9A2)	Số lượng			Xã B:		
Chỉ số 10A1	Số lượng tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn		Tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Đã có/ Chưa có					
Chỉ số 10B= 10B1/10B2*100%	Tỷ lệ huyện đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn		Số lượng huyện đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn (10B1)	Số lượng					
			Tổng số huyện năm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (10B2)	Số lượng					
Chỉ số 10C= 10C1/10C2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn		Số lượng xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn (10C1)	Số lượng					
			Tổng số xã năm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (10C2)	Số lượng					

th

Chỉ số 11A1	Số lượng tính đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Tính đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Đã có/ Chưa có		
Chỉ số 11B= 11B1/11B2*100%	Tỷ lệ cấp huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương (11B1)	Số lượng		
		Tổng số huyện nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (11B2)	Số lượng		
Chỉ số 11C= 11C1/11C2*100%	Tỷ lệ cấp xã đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương (11C1)	Số lượng		
		Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (11C2)	Số lượng		
Chỉ số 12A= 12A1/12A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm có sự tham gia của cộng đồng	Số lượng xã của tỉnh đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm có sự tham gia của cộng đồng (12A1)	180		
		Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (12A2)	Số lượng		
Chỉ số 13A= 13A1/13A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã lồng ghép kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXH của địa phương	Số lượng xã của tỉnh đã lồng ghép kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXH của địa phương (13A1)	180		
		Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (13A2)	Số lượng		
Chỉ số 14A= 14A1/14A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	Số lượng xã của tỉnh đã xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ (14A1)	Số lượng		
		Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (14A2)	Số lượng		
Chỉ số 14B= 14B1/14B2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã cập nhật bản đồ bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	Số lượng xã của tỉnh đã cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ (14B1)	Số lượng		
		Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (14B2)	Số lượng		

th

Chỉ số 15A	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp tỉnh	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp tỉnh	15 bộ máy tính nối mạng internet, 15 máy in, 01 máy ảnh, 01 máy chiếu		
Chỉ số 15B	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp huyện	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp huyện	Huyện A: Huyện B: 		
Chỉ số 15C	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp xã	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp xã	Huyện A Xã A: Xã B: Huyện B Xã A: Xã B: 		
Chỉ số 16A1	Số lượng tỉnh có trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng chống thiên tai được nâng cấp hoàn chỉnh phục vụ tốt điều kiện làm việc làm việc cho cán bộ	Tỉnh có trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng chống thiên tai được nâng cấp hoàn chỉnh phục vụ tốt điều kiện làm việc cho cán bộ	Đã có		
Chỉ số 17A= 17A1/17A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã có hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm về thiên tai	Số lượng xã của tỉnh đã có hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm về thiên tai (17A1) <i>Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (17A2)</i>	0		
Chỉ số 18A	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã nhận được thông tin cảnh báo sớm về thiên tai	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã nhận được thông tin cảnh báo sớm về thiên tai	Tỷ lệ %	Huyện A Xã A: Xã B: Huyện B Xã A: Xã B: 	
Chỉ số 19A= 19A1/19A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh có danh mục công trình quy mô nhỏ có sự	Số lượng xã của tỉnh có danh mục công trình quy mô nhỏ có sự tham vấn cộng	0		

	tham vấn cộng đồng	đồng (19A1)				
		Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (19A2)	Số lượng			
Chỉ số 20A	Tỷ lệ công trình quy mô nhỏ trong danh mục dự kiến đã được xây dựng trên địa bàn xã	Tỷ lệ công trình quy mô nhỏ trong danh mục dự kiến đã được xây dựng trên địa bàn xã	Tỷ lệ 0%		Huyện A Huyện B Xã A: Xã B: 	
Chỉ số 22A	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22A1) Tổng số giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh (22A2)	0	Nam: Nữ:		
Chỉ số 22B	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22B1) Tổng số giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh (22B2)	0	Nam: Nữ:		
Chỉ số 22C	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn	Số lượng giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo,	0	Nam:		

	tính đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	tập huấn về QLRRTT		Nữ:		
		Tổng số giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh	Số lượng	Nam: Nữ:		
Chỉ số 22D= 22D1/22D2*100%	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22D1)	0	Nam: Nữ:		
		Tổng số giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh (22D2)	Số lượng	Nam: Nữ:		
Chỉ số 22E= 22E1/22E2*100%	Tỷ lệ giáo viên các trường tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22E1)	0	Nam: Nữ:		
		Tổng số giáo viên các trường tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh (22E2)	Số lượng	Nam: Nữ:		
Chỉ số 22F= 22F1/22F2*100%	Tỷ lệ giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22F1)	0	Nam: Nữ:		
		Tổng số giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh (22F2)	Số lượng	Nam: Nữ:		

th

Chỉ số 22G= 22G1/22G2*100%	Tỷ lệ giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22G1)	0	Nam:		
				Nữ:		
Chỉ số 23A	Số lượng giáo viên các cấp học tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Tổng số giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh (22G2)	Số lượng	Nam:		
				Nữ:		
Chỉ số 23B	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	Số lượng giáo viên các cấp học tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	0	Nam:		
				Nữ:		
Chỉ số 23C	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	Số lượng			
Chỉ số 22A	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ 0%	Huyện A:		
				Huyện B:		
						
Chỉ số 22B	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ 0%	Huyện A:		
				Huyện B:		
						
Chỉ số 22C	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ 0 %	Huyện A:		
				Huyện B:		
						

th

Chỉ số 22D= 22D1/22D2*100%	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22D1)	0	Nam:		
		Tổng số giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22D2)	Số lượng	Nữ:		
				Nam:		
Chỉ số 22E= 22E1/22E2*100%	Tỷ lệ giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22E1)	0	Nam:		
		Tổng số giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh (22E2)	Số lượng	Nữ:		
				Nam:		
Chỉ số 22F= 22F1/22F2*100%	Tỷ lệ giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22F1)	0	Nam:		
		Tổng số giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh (22F2)	Số lượng	Nữ:		
				Nam:		
Chỉ số 22G= 22G1/22G2*100%	Tỷ lệ giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22G1)	0	Nam:		
		Tổng số giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh (22G2)	Số lượng	Nữ:		
				Nam:		
Chỉ số 23A	Số lượng giáo viên các cấp	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa	0	Nam:		

Chỉ số 22G= 22G1/22G2*100%	Tỷ lệ giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22G1)	0	Nam: Nữ:		
		Tổng số giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh (22G2)	Số lượng	Nam: Nữ:		
Chỉ số 23A	Số lượng giáo viên các cấp học tham gia vào đội ngũ giảng viên về DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng giáo viên các cấp học tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng	Nam: Nữ:		
Chỉ số 23B	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	0			
Chỉ số 23C	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	Số lượng			
Chỉ số 22A	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ 0%		Huyện A: Huyện B: 	
Chỉ số 22B	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ 0%		Huyện A: Huyện B: 	
Chỉ số 22C	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ 0 %		Huyện A: Huyện B: 	

th

	học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	bản tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh		Nữ:			
Chỉ số 23B	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	0	Huyện A: Huyện B:			
Chỉ số 23C	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	0	Huyện A: Xã A: Xã B: ... Huyện B: Xã A: Xã B: ...			
Chỉ số 24A= 24A1/24A2*100%	Tỷ lệ các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa.	Số lượng các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa. (24A1) Tổng số các trường mầm non trên địa bàn tỉnh. (24A2)	0				
Chỉ số 24B= 24B1/24B2*100%	Tỷ lệ các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24B1) Tổng số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh (24B2)	0				
Chỉ số 24C= 24C1/24C2*100%	Tỷ lệ các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24C1) Tổng số các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh (24C2)	0				
Chỉ số 24D= 24D1/24D2*100%	Tỷ lệ các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại	Số lượng các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24D1)	0				

th

	khóa	Tổng số các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh (24D2)	Số lượng		
Chỉ số 24E= 24E1/24E2*100%	Tỷ lệ các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24E1)	0		
Chỉ số 24F= 24F1/24F2*100%	Tỷ lệ các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Tổng các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh (24E2)	Số lượng		
Chỉ số 24G= 24G1/24G2*100%	Tỷ lệ các trường đại học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24F1)	0		
		Tổng các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh (24F2)	Số lượng		
Chỉ số 24C= 24C1/24C2*100%	Tỷ lệ các trường đại học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường đại học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24G1)	0		
		Tổng các trường đại học trên địa bàn tỉnh (24G2)	Số lượng		
Chỉ số 25A	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	0		
Chỉ số 25B	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	0		

th

Chỉ số 25C	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	0			
Chỉ số 25D	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa tại trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa tại trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	0			
Chỉ số 26A	Số lượng và tên các dự án về nâng cao nhận thức cộng đồng và QLRRTT-DVCD đã thực hiện trên địa bàn tỉnh	Số lượng và tên các dự án về nâng cao nhận thức cộng đồng và QLRRTT-DVCD đã thực hiện trên địa bàn tỉnh	0			
Chỉ số 27C= $27C1/27C2*100\%$	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Kinh phí từ nguồn vốn ngân sách đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (27C1)	0			
		Tổng kinh phí từ nguồn vốn ngân sách được cấp hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (27C2)	Số lượng			
Chỉ số 27D= $27D1/27D2*100\%$	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Kinh phí từ nguồn vốn ngân sách đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (27D1)	0			
		Tổng kinh phí từ nguồn vốn ngân sách được cấp hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (27D2)	Số lượng			
Chỉ số 27E	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ 0%		Huyện A:	
					Huyện B:	

TH

							
Chỉ số 27F	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của huyện <i>(ngành GD-ĐT)</i>	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của huyện <i>(ngành GD-ĐT)</i>	Tỷ lệ 0%			Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 27G	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của xã	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của xã	Tỷ lệ 0%			Huyện A: Xã A: Xã B: Huyện B: Xã A: Xã B:	
Chỉ số 28C= 28C1/28C2*100%	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của tỉnh <i>(ngành Nông nghiệp và PTNT)</i>	Kinh phí từ nguồn vốn ODA đã được giải ngân hàng năm của tỉnh <i>(ngành Nông nghiệp và PTNT)</i> (28C1) Tổng kinh phí từ nguồn vốn ODA hàng năm của tỉnh <i>(ngành Nông nghiệp và PTNT)</i> (28C2)	0 Số lượng				
Chỉ số 28D= 28D1/28D2*100%	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của tỉnh thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh <i>(ngành GD-ĐT)</i>	Kinh phí từ nguồn vốn ODA đã được giải ngân hàng năm của tỉnh <i>(ngành GD-ĐT)</i> (28D1) Tổng kinh phí từ nguồn vốn ODA hàng năm của tỉnh <i>(ngành GD-ĐT)</i> (28D2)	0 Số lượng				
Chỉ số 28E	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) thực hiện Đề án hàng năm của huyện <i>(ngành Nông nghiệp và PTNT)</i>	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của huyện <i>(ngành Nông nghiệp và PTNT)</i>	Tỷ lệ 0%			Huyện A: Huyện B:	

th

Chỉ số 28F	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của huyện (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ 0%	Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 28G	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của xã	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của xã	Tỷ lệ 0%	Huyện A: Xã A: Xã B: Huyện B: Xã A: Xã B:	
Chỉ số 29C= 29C1/29C2*100%	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Kinh phí từ nguồn khác do người dân đóng góp đã được giải ngân của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (29C1) Tổng kinh phí từ nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (29C2)	0 Số lượng		
Chỉ số 29D= 29D1/29D2*100%	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Kinh phí từ nguồn khác do người dân đóng góp đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (29D1) Tổng kinh phí từ nguồn khác do người dân đóng góp được cấp hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (29D2)	0 Số lượng		
Chỉ số 29E	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ 0%	Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 29F	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ 0%	Huyện A: Huyện B:	

th

Chỉ số 29G	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của xã	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do cộng đồng đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của xã (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ 0%		Huyện A	Xã A:	
					Huyện B	Xã B:	
						Xã A:	
						Xã B:	

20